

Bản án số: 12/2021/DS-ST

Ngày: 27/10/2021

“V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Không Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đình Thọ

- Bà Trần Thị Bích Hợp

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Hồng Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Ông Trần An Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2020/TLST- DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2021 và Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 391/TB-TA ngày 11 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956. Địa chỉ: Tổ 30, KV6, P. HC, TP. Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Công L, sinh năm: 1983. Địa chỉ: 30 PKK, Tp. Q, tỉnh Bình Định.(Có mặt)

(Theo các văn bản ủy quyền số 004753 ngày 13/10/2020 và văn bản ủy quyền số 004883 ngày 21/10/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị H có ông Nguyễn Văn Tr – Luật sư, Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Bình Định.(Có mặt)

- Bị đơn: Chị Trần Thị Th, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ 29, KV6, P. HC, Tp. Q, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/9/2020 và các lời khai tiếp theo, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Trần Công L trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và chị Trần Thị Th là hàng xóm nên vào ngày 19/5/2020, bà H cho chị Th vay số tiền 336.000.000đ hai bên có viết giấy vay nợ, không thỏa thuận lãi, mục đích vay là để chị Th buôn bán. Hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ vào ngày 20 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 20/6/2020, mỗi tháng chị Th trả 5.000.000 đồng, đến ngày 20/4/2021 chị Th trả hết số tiền còn lại là 286.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi vay chị Th chỉ trả được 02 lần, cụ thể: ngày 20/6/2020 trả 5.000.000 đồng, ngày 20/7/2020 trả 5.000.000 đồng, số tiền còn lại vẫn chưa trả như hai bên thỏa thuận. Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Trần Thị Th trả cho bà số tiền gốc là 326.000.000đ, không yêu cầu trả lãi chậm trả.

** Bị đơn chị Trần Thị Th trình bày:*

Năm 2016 chị có vay của bà Nguyễn Thị H nhiều lần với tổng số tiền là 150.000.000 đồng, lãi suất vay ban đầu là 15%/tháng, đầu năm 2018 thỏa thuận lãi suất 12%/tháng, các lần mượn nợ này hai bên không viết giấy nhận nợ và không có ai chứng kiến. Từ ngày vay tiền chị phải trả lãi cho bà H là 570.000 đồng/ngày, những lần trả lãi không viết biên nhận. Mục đích vay tiền là để cho người khác vay lại, cuối năm bà H sẽ trả hoa hồng cho chị. Do người vay tiền của chị đã trốn nên chị không trả nợ cho bà H được.

Ngày 19/5/2021 bà H hẹn gặp chị để đổi chiếu nợ gốc, lãi hiện còn. Hai bên xác định chị còn nợ bà H 336.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 150.000.000 đồng, phần còn lại là tiền lãi, đây là viết dồn các khoản nợ từ năm 2016 cho đến nay), đồng thời hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ vào ngày 20 hàng tháng, mỗi lần trả 5.000.000 đồng, đến tháng 4/2021 sẽ trả hết số nợ còn lại. Chị thừa nhận giấy mượn tiền ngày 19/5/2021 là do chị viết và ký tên nhưng chị bị bà H cùng các con của bà ép chị viết. Ngày 20/6/2020, ngày 20/7/2020 chị trả cho bà H tổng cộng là

10.000.000 đồng còn nợ 326.000.000 đồng. Tại phiên tòa, chị xác nhận còn nợ bà H 326.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà H số tiền trên nhưng vì hoàn cảnh kinh tế gia đình chị hiện nay khó khăn nên xin trả dần từ 1.000.000 đến 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ.

* Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Tr trình bày luận cứ: Chị Th vay tiền của bà H số tiền 336.000.000 đồng vào ngày 19/5/2020, đến hạn trả nợ, chị Th chỉ trả được 10.000.000 đồng vào ngày 20/6/2020 và ngày 20/7/2020 còn nợ 326.000.000 đồng. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463 và Điều 470 Bộ luật dân sự buộc chị Th trả cho bà H số tiền 326.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự:

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H; buộc chị Trần Thị Th có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 326.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc trả tiền vay chưa thanh toán với chị Trần Thị Th trú tại: Tổ 29, khu vực 6, P. HC, Tp. Q, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Q theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng vay giữa bà Nguyễn Thị H và chị Trần Thị Th là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi được quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Khi đến hạn trả nợ, bà H đã nhiều lần yêu cầu chị Th trả nhưng chị Th không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là vi phạm hợp đồng. Nay bà H yêu cầu chị Th trả một lần số tiền gốc 326.000.000 đồng cho bà là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, buộc chị Trần Thị Th phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 326.000.000 đồng.

[2.2] Đối với giấy nợ ngày 19/5/2020 chị Th khai là viết dờn các khoản nợ từ năm 2016 trong đó tiền gốc và lãi là 336.000.000 đồng và chị viết giấy do bị ép buộc. Xét thấy: tại biên bản đối chất ngày 13/11/2020 (BL 40) chị Th thừa nhận năm 2016 chị vay bà H nhiều lần và có thỏa thuận lãi suất nhưng hai bên không viết giấy vay, việc trả tiền lãi giữa chị Th và bà H không có sổ sách theo dõi, chị Th cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Sau khi viết và ký vào giấy nợ, chị Th không báo cáo với chính quyền địa phương hoặc cơ quan chức năng về việc bị ép buộc viết giấy nhận nợ. Ngày 20/6/2020 và ngày 20/7/2020, chị vẫn trả tiền gốc tổng cộng là 10.000.000 đồng cho bà H theo như thỏa thuận trong giấy nợ. Tại các buổi hòa giải, đối chất và tại phiên tòa, chị Th xác nhận còn nợ bà H số tiền 326.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền trên nhưng chị xin trả dần từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ điều này chứng tỏ việc chị viết giấy nợ ngày 19/5/2020 là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc. Do đó, lời khai của chị Th là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu xin trả dần tiền gốc từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ của chị Th không được người đại diện theo ủy quyền của bà H chấp nhận và không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.4] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu chị Th trả lãi đối với số tiền 326.000.000 đồng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; chị Th phải chịu là: 326.000.000 đồng \times 5% = 16.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm..

[4] Lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, khoản 4 Điều 466 và khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc chị Trần Thị Th phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 326.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi sáu triệu đồng).

2. Không chấp nhận lời khai của chị Trần Thị Th cho rằng giấy nợ ngày 19/5/2020 là viết dồn các khoản nợ từ năm 2016 trong đó có cả tiền lãi và chị viết giấy do bị ép buộc.

3. Không chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Th xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ .

4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H không yêu cầu chị Trần Thị Th trả tiền lãi.

5. Về án phí:

- Chị Trần Thị Th phải chịu 16.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

6.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

6.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Q;
- Chi cục THADS Tp. Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khổng Lan Hương

